TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐOAN HÙNG** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30/7/2019
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Linh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Đại
Ông Nguyễn Hữu Mùi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên toà: Bà Vũ Kim Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 30/7/2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2019/TLST-HNGĐ ngày 11/6/2019 về việc tranh chấp yêu cầu ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 05/7/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T
Cư trú tại: Thôn 12, xã A, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.
- *Bị đơn*: Anh Phạm Đình N
Cư trú tại: Thôn 12, xã A, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Chị T có mặt, anh N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Phạm Đình N tự nguyện kết hôn với nhau ngày 17/01/2006, đăng ký tại UBND xã A, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Sau khi cưới, vợ chồng chị sống cùng gia đình anh N tại xã A. Hai bên sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian dài đến năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do khác biệt về suy nghĩ, vợ chồng không tin tưởng, tôn trọng nhau. Anh N đi làm xa, chơi bời cờ bạc, gái gú, không có trách nhiệm với gia đình. Vợ chồng ly thân hơn 1 năm nay, không quan tâm gì.

Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị xin được ly hôn anh N.
-Về con chung: Chị T xác nhận vợ chồng có 03 con chung là Phạm Khánh B – sinh ngày 21/8/2007, Phạm Tuấn C – sinh ngày 17/01/2013 và Phạm Đăng D – sinh ngày 16/5/2017. Hiện 03 cháu đều đang ở cùng chị T. Chị xin tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 03 cháu và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con cùng.
- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.
Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:
- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Đình N
- Về con chung: Giao cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Khánh B – sinh ngày 21/8/2007, Phạm Tuấn C – sinh ngày 17/01/2013 và Phạm Đăng D – sinh ngày 16/5/2017. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T.
- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T không đề nghị nên không phải giải quyết.
- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T cư trú tại thôn 12, xã A, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Phạm Đình N cư trú cùng địa chỉ nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Phạm Đình N hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 12, xã A, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Quá trình giải quyết, anh N không có mặt nhưng Tòa án đã tống đạt các quyết định, thông báo của Tòa án cho anh N theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, anh N tiếp tục vắng mặt, không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do vậy, Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh N
[2]. Về nội dung vụ án:
[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Đình N kết hôn với nhau tự nguyện vào năm 2006, có đăng ký tại UBND xã A, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, là một hôn nhân hợp pháp. Hai bên chung sống hòa thuận được thời gian dài đến năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, mỗi người một ý. Anh N thiếu chỉn chu và không có trách nhiệm với gia đình. Đã nhiều lần chị T và gia đình khuyên can nhưng đều không có kết quả. Xác minh tại chính quyền địa phương và mẹ đẻ anh N cho thấy anh N vẫn liên lạc về gia đình nhưng không có ý định về chung

sống cùng chị T, còn ham chơi lô đề, gái gú bên ngoài nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh chị sống ly thân từ năm 2018 đến nay

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, không còn khả năng hàn gắn nữa. Việc chị T xin ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

[2.2].Về con chung: Anh chị có 03 con chung hiện đang ở cùng chị T. Từ khi vợ chồng ly thân, các cháu vẫn ở cùng chị T, được chị T cho ăn học đầy đủ. Bản thân chị T làm lao động tự do, có thu nhập. Anh N đi làm xa, hiện không có mặt tại địa phương nên không thể trực tiếp nuôi dạy các cháu. Bố mẹ đẻ chị T có đơn đề nghị hỗ trợ chị trong việc nuôi các cháu. Mặt khác, cháu B cũng có nguyện vọng xin ở cùng chị T nên để tránh xáo trộn cuộc sống của các cháu nên giao cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng các cháu là hợp tình hợp lý.

Việc chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái pháp luật nên cần chấp nhận.

[2.3].Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này, nếu chị T và anh Ncó đơn đề nghị, Tòa án sẽ xem xét, giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Đình N

2. Về con chung: Giao cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Khánh B – sinh ngày 21/8/2007, Phạm Tuấn C – sinh ngày 17/01/2013 và Phạm Đăng D – sinh ngày 16/5/2017. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2017/0003194 ngày 07/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

Chị T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh N vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Chi cụcThi hành án;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mai Linh